

TUẦN 26

I. TRẮC NGHIỆM

Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu:

Câu 1. Số gồm 3 trăm, 8 chục, 5 đơn vị là:

- A. 853 B. 358 C. 385

Câu 2. Số liền sau số 999 là số nào?

- A. 998 B. 997 C. 1000

Câu 3. Cho dãy số: 122; 124; 126; ;..... Hai số tiếp theo của dãy số là:

- A. 127; 128 B. 128; 130 C. 128; 129

Câu 4. Số tròn chục liền trước số 145 là:

- A. 150 B. 140 C. 160

Câu 5. Dãy số được xếp theo thứ tự từ bé đến lớn là:

- A. 608; 687; 710; 715 B. 710; 715; 687; 608 C. 687; 608; 710; 715

Câu 6. Hùng có 48 viên bi và có ít hơn Nam 2 viên bi. Hỏi Nam có bao nhiêu viên bi?

- A. 36 viên bi B. 46 viên bi C. 50 viên bi

Câu 7. Số 379 được viết thành tổng các trăm, chục, đơn vị là:

- A. $300 + 70 + 9$ B. $300 + 7 + 9$ C. $3 + 7 + 9$

Câu 8. Dấu thích hợp vào chỗ chấm trong phép tính là:

$$400 + 60 + 9 \dots\dots\dots 400 + 9 + 60$$

- A. $>$ B. $<$ C. $=$

II. TỰ LUẬN

Bài 1. Điền dấu $>$, $<$, $=$ thích hợp vào chỗ chấm:

$$834 \dots\dots\dots 843 \qquad 684 \dots\dots\dots 584 \qquad 198 \dots\dots\dots 189$$

$$499 \dots\dots\dots 410 \qquad 327 \dots\dots\dots 328 \qquad 989 \dots\dots\dots 900$$

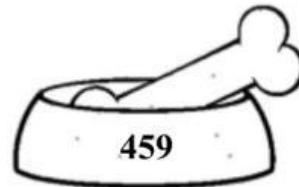
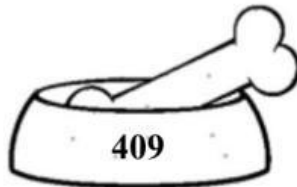
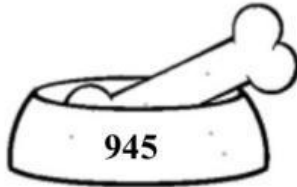
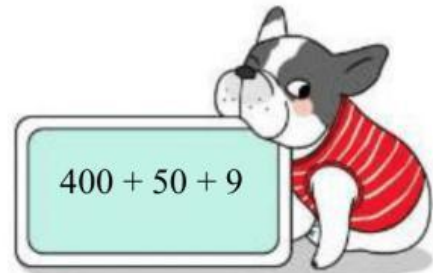
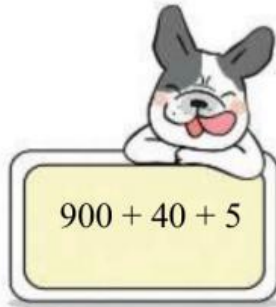
II. TỰ LUẬN

Bài 1. Cho các số sau: 537; 920; 695; 708; 304:

a. Viết các số trên theo thứ tự từ bé đến lớn:

b. Viết các số trên theo thứ tự từ lớn đến bé:

Bài 2. Nói:



Bài 3.

a. Viết tất cả các số có ba chữ số khác nhau lập từ các chữ số 0; 1; 2. Xếp các số đó theo thứ tự bé dần.

.....

b. Viết tất cả các số có ba chữ số mà tổng các chữ số bằng 3. (Ví dụ: 111)

.....

Bài 4. Tính tổng của số chẵn lớn nhất có 3 chữ số với số nhỏ nhất có một chữ số.

.....

.....

.....